

ÁP LỰC BÁN TĂNG DẦN

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

MUA

Tránh mua đuổi, kể cả trong các nhịp hồi kỹ thuật – chờ tín hiệu ổn định hoặc hỗ trợ đáng tin cậy để giải ngân trở lại.

BÁN

Bán giảm tỷ trọng với các mã đã tăng nóng, đặc biệt nếu có dấu hiệu suy yếu về giá và khối lượng. Tỷ trọng cổ phiếu nên duy trì ở mức trung bình (40–50%) và sẵn sàng hạ xuống nếu VN-Index mất hỗ trợ ngắn hạn.

THEO DÕI

PVD

↑ 10,99%

VND21.200

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall tăng điểm mạnh vào thứ Sáu sau khi báo cáo việc làm phi nông nghiệp tốt hơn dự kiến.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** VN-Index giảm phiên thứ ba liên tiếp với áp lực bán lan rộng trên hầu hết các nhóm ngành. Thanh khoản tăng so với các phiên trước phản ánh tâm lý thận trọng và lực cung chốt lời rõ nét. Việc chỉ số đóng cửa dưới đường MA10 ngày sau chuỗi tăng kéo dài từ 24/4/2025 là tín hiệu cảnh báo rủi ro điều chỉnh đang gia tăng. Về kỹ thuật, chỉ số vẫn tạm giữ được vùng hỗ trợ gần quanh MA20 ngày, nhưng nếu thủng mốc này nhịp điều chỉnh có thể mở rộng về vùng 1.300–1.315. NĐT ưu tiên bảo toàn thành quả, giảm tỷ trọng ở các mã đã tăng mạnh, đặc biệt nếu mất vùng hỗ trợ ngắn hạn.

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	42.762,87	1,05	0,51
S&P 500	6.000,36	1,03	2,02
Nasdaq	19.529,95	1,20	1,13
VIX	16,77	-9,25	-3,34
DAX	24.304,46	-0,08	22,08
FTSE 100	8.837,91	0,30	8,14
CAC40	7.804,87	0,19	5,75
Hang Seng	23.977,54	0,78	19,53

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	BUY	BUY	NEUTRAL

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	58,78	BUY
MACD (12,26)	20,34	BUY
ADX (14)	14,23	BUY
SMA5	1.340,25	SELL
SMA20	1.322,69	BUY
SMA50	1.273,19	BUY
SMA100	1.279,09	BUY
SMA200	1.271,03	BUY

ĐIỂM TIN CHÍNH

- **Thị trường chứng khoán Mỹ** đã có một tuần giao dịch tích cực, khép lại bằng một phiên tăng điểm mạnh mẽ vào ngày 6/6 sau khi báo cáo việc làm trong các lĩnh vực phi nông nghiệp được công bố tốt hơn dự kiến. Diễn biến này đã giúp xoa dịu lo ngại về nguy cơ kinh tế suy thoái và đưa chỉ số S&P 500 vượt qua ngưỡng tâm lý quan trọng 6.000 điểm lần đầu tiên kể từ cuối tháng Hai.
- **Trong 5 tháng đầu năm**, tổng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đăng ký vào Việt Nam đạt 18,39 tỷ USD, tăng 51,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn FDI thực hiện cao nhất của năm tháng trong 5 năm qua, ước đạt 8,90 tỷ USD, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 2.851,4 nghìn tỷ đồng, tăng 9,7% so với cùng kỳ năm trước. Nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7,4%.
- **Lũy kế 5 tháng đầu năm 2025**, Kho bạc Nhà nước đã huy động được 170.917 tỷ đồng qua đấu thầu trái phiếu Chính phủ, đạt 34,2% kế hoạch năm 2025. Trái phiếu phát hành trong tháng 5 có các kỳ hạn 5 năm, 10 năm, 15 năm và 30 năm; trong đó, chủ yếu là kỳ hạn 10 năm, với tỷ trọng phát hành là 83,8%, tương đương 15.131 tỷ đồng.
- **PDR:** Phát Đạt dự kiến trình kế hoạch kinh doanh 2025 với mục tiêu 3.2 ngàn tỷ đồng tổng doanh thu và 907 tỷ đồng lãi trước thuế, lần lượt gấp 2.5 lần và 3.5 lần năm trước. Nếu hoàn thành, 2025 sẽ là năm có lợi nhuận cao nhất của PDR trong 3 năm trở lại đây.
- **HAG:** Kế hoạch kinh doanh năm 2025 được trình với doanh thu thuần dự kiến đạt 5.514 tỷ đồng. Trong đó, mảng trái cây tiếp tục đóng vai trò chủ lực với tỷ trọng 76%, mảng chăn nuôi heo chiếm 19%, còn lại là hàng hóa khác. Lợi nhuận sau thuế mục tiêu đạt 1.114 tỷ đồng.
- **FMC:** CTCP Thực phẩm Sao Ta, Công ty ghi nhận sản xuất tôm thành phẩm tháng 5 giảm 13% so với cùng kỳ, còn 2.389 tấn; tuy nhiên, sản lượng tiêu thụ tôm lại tăng 53%, lên 1.419 tấn. Bên cạnh đó, sản xuất nông sản đạt 202 tấn và tiêu thụ nông sản đạt 123 tấn, lần lượt tăng 65% và 7% so với cùng kỳ năm ngoái.
- **DCM:** Tổng sản lượng sản xuất hơn 636 nghìn tấn phân bón các loại (56% kế hoạch, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2024), tổng sản lượng tiêu thụ ước hơn 841 nghìn tấn phân bón (61% kế hoạch, tăng 24% so với cùng kỳ). Tổng doanh thu hợp nhất ước đạt 9.591 tỷ đồng (vượt 69% kế hoạch, tăng 37% so với cùng kỳ năm 2024), lợi nhuận trước thuế 1.047 tỷ đồng (21% so với kế hoạch 9469/NQ-PVN, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2024).

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	3.304,90	-0,17	25,92
Dầu WTI	64,58	0,00	-9,96
Dầu Brent	66,47	0,00	-10,95
Than	104,85	-0,14	-16,29
Đồng	9.693,00	-0,48	10,55
Quặng sắt	94,75	1,01	-9,62
Thép	446,00	0,68	-6,26

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DEX	99,082	-0,11	-8,67
USD/JPY	144,62	0,16	8,70
USD/CNY	7,1874	0,07	1,56
EUR/USD	1,1408	0,10	10,18
GBP/USD	1,3546	0,13	8,23

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,50%	18/06/2025	0,00
ECB	2,40%	05/06/2025	-0,25
BOE	4,50%	19/06/2025	0,00
BOJ	0,50%	17/06/2025	0,00
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
HPG	1.106,80	26.050	1,17
FPT	622,86	115.000	-1,54
MWG	382,22	60.500	-1,94
TCB	867,69	30.300	-2,57
STB	671,39	41.750	0,97

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	468.753,37	56.100	-0,36
BID	247.503,01	35.250	-0,70
CTG	205.133,68	38.200	-0,91
FPT	170.352,96	115.000	-1,54
TCB	214.065,01	30.300	-2,57

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

PVD

Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng giải ngân

Ngưỡng cắt lỗ

THEO DÕI

19.500

21.200

10,99%

18.700-19.000

<18.100

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Năm 2025, PVD đặt mục tiêu tổng doanh thu hợp nhất đạt 7.200 tỷ đồng và LNST hợp nhất đạt 530 tỷ đồng, giảm 25% về doanh thu và giảm 24% về lợi nhuận so với thực hiện năm 2024.
- Về kế hoạch đầu tư, tổng chi phí dự kiến của PVD trong năm 2025 là khoảng 2.292 tỷ đồng, trong đó chủ yếu PV Drilling tiếp tục thực hiện các dự án chuyển tiếp từ năm 2024 và đầu tư thêm một giàn khoan đa năng tự nâng có tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 2.125 tỷ đồng.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- Xu hướng ngắn hạn của PVD vẫn là tích lũy đi ngang. NĐT theo dõi diễn biến cổ phiếu trong những phiên tới với vùng hỗ trợ 18.700-19.000, nếu giữ vững được và thanh khoản cạn kiệt sẽ là vùng cân nhắc giải ngân. Trường hợp break lên trên 19.800 với thanh khoản lớn sẽ xác nhận khả năng trở lại xu hướng tăng.

Thông tin tài chính

	FY2023	FY2024	Q1 2025
DTT (tỷ đ)	5.804	9.290	1.503
LNTT (tỷ đ)	658	937	196
LNST (tỷ đ)	585	698	153
Nợ/VCSH (%)	22	19	19
ROE (%)	3,18	3,63	4,46
ROA (%)	2,77	3,06	3,02
EPS (VNĐ)	0	0	0,05
P/E (lần)	34,3	23,0	15,69
P/B (lần)	1,07	0,82	0,66

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	BUY	SELL	SELL

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	58,67	BUY
MACD (12,26)	0,12	BUY
ADX (14)	17,38	BUY
SMA5	19.310	BUY
SMA20	18.780	BUY
SMA50	18.940	BUY
SMA100	21.230	SELL
SMA200	23.360	SELL

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	SSI	Nắm giữ	21,5-22,5	22/4/2025	21,5	25,3	21,3			9,77%
2	HHV	Nắm giữ	11,9-12,1	14/5/2025	12,1	13,6	11,5			2,07%
3	VCI	Mua	36,5-37,5	20/5/2025	36,5	41,1	35,4			-1,64%
4	CTG	Mua	37,5-38,5	26/5/2025	38,5	42,8	36,6			-0,78%
5	VCB	Mua	55,8-56,8	4/6/2025	56,8	62,9	54			-1,23%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	SSI	Chốt lời	24,5-25	24/2/2025	25,3	27,4	23,8	13/3/2025	27,4	8,30%
2	VHC	Cơ cấu	67,5-69,5	18/2/2025	69,5	76	65,6	14/3/2025	67,9	-2,3%
3	PC1	Cơ cấu	23,5-23,9	26/2/2025	23,9	26,3	22,7	14/3/2025	23,1	-3,35%
4	KSB	Cơ cấu	19,6-20	6/3/2025	19,9	22,1	19	14/3/2025	19,85	-0,21%
5	DXG	Cơ cấu	15,7-16,2	11/3/2025	16,2	17,8	15,2	14/3/2025	16,1	-0,61%
6	BID	Cắt lỗ	38,6-39,3	6/2/2025	39,6	45	37,3	3/4/2025	37,3	-5,81%
7	KBC	Cắt lỗ	28,5-29,5	18/2/2025	29,2	33	27,6	3/4/2025	27,6	-5,4%
8	VPB	Cắt lỗ	18,7-19	21/02/2025	19	21,2	18	3/4/2025	18	-5,26%
9	STB	Chốt lời	33,7-34,7	4/4/2025	34,1	38,4	33	16/4/2025	38,6	13,20%
10	MBB	Chốt lời	21,8-22,3	22/4/2025	21,8	24,5	20,7	29/4/2025	23,7	8,72%
11	HPG	Chốt lời	23-24	22/4/2025	23,4	26,5	22,8	29/4/2025	25,65	9,62%
12	TCB	Chốt lời	25-25,8	28/4/2025	25,8	28,2	24,5	13/5/2025	29,5	14,34%
13	VCG	Chốt lời	21-21,8	22/4/2025	21	24,5	20,7	22/5/2025	23,3	11,19%
14	GVR	Chốt lời	25,5-26,5	26/5/2025	26,5	29,4	25,2	29/5/2025	30,3	14,34%
15	MWG	Cắt lỗ	62,5-64,5	28/5/2025	64,3	71,5	61,3	2/6/2025	61,3	-4,67%

Email: Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

👍❤️ 2

Khuyến nghị 10/1/2024

NHCP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Điểm 14	~(-12%)
Chốt lời 1:(50%)	18-19	~13%-18%
Chốt lời 2:(50%)	21-22	~18-37%
MLCP	MSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
Cắt lỗ	(Cá thể PCA +6-6.5)	
Chốt lời 1:(50%)	Điểm 59	~(-5%)
Chốt lời 2:(50%)	72-75	~13%-14%
Chốt lời 3:(50%)	Năm giờ	
MLCP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	~(-4%)
Chốt lời 1:(50%)	23-24	~7%-12%
Chốt lời 2:(50%)	25.5-26	~13%-24%

by Thanh Bình @ginlabs.vn

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	180,000
Giá vốn trung bình	43.34
Gốc đầu tư	99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (định kiến)	+679,500,200 đ (6.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

3

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập

ginlabs.vn/room